

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 5 - 2020

“V/v Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Trần Đình Sang.

Ông: Trần Xuân Văn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Nga - Thư ký TAND thành phố Đồng Hới.

Ngày 19 tháng 5 năm 2020, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 389/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/4/2020, QĐ hoãn phiên tòa số 08/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/5/2020, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Trần Xuân M, sinh năm 1969; Nơi đăng ký HKTT và cư trú: Tổ 1, TDP x, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Chị Lê Thị Châu L, sinh năm 1970; (Đã bị tuyên bố mất tích theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 21/2019/QĐST-VDS ngày 14/11/2019 của TAND thành phố Đồng Hới có hiệu lực pháp luật). Nơi cư trú cuối cùng: Tổ 1, TDP x, phường B, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn xin ly hôn đề ngày 25/11/2019, được bổ sung tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Trần Xuân M trình bày: Anh M và chị Lê Thị Châu L xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L huyện Q tỉnh Quảng Bình vào ngày 18/01/1991. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung tại Tổ 1, TDP x, phường B, TP. Đ. Quá trình sống chung hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình, tính cách trái ngược luôn bất đồng quan điểm dẫn đến cãi vã nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Mặc dù vợ chồng đã có thời gian cố gắng khắc phục nhưng vẫn không thay đổi. Đến tháng 02/2017 không rõ lý do gì chị L bỏ nhà cùng 2 con (cháu Trần Ngọc H và cháu Trần Thị Phương

T) đi làm ăn biệt tích cho đến nay không trở về địa phương, gia đình người thân, bạn bè không ai có tin tức gì về chị L. Anh M đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng cả gia đình bên chị L cũng không có tin tức gì không rõ chị L ở đâu nên anh đã yêu cầu Tòa án tuyên bố chị L mất tích. Ngày 14/11/2019 Toà án nhân dân thành phố Đ đã có quyết định số 21/2019/QĐST-VDS tuyên bố chị L mất tích, quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Từ ngày đó cho đến nay chị L cũng không về nhà, cũng không ai có tin tức gì về chị. Vợ chồng không sống chung với nhau đã lâu, không có trách nhiệm nghĩa vụ gì với nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên anh M xin được ly hôn chị L để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung: Trần Ngọc H, sinh ngày: 03/11/1991, Trần Đức D, sinh ngày: 12/02/1998 và Trần Thị Phương T, sinh ngày: 08/8/2007. Hai cháu Trần Ngọc H, Trần Đức D đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa giải quyết việc nuôi dưỡng. Cháu Trần Thị Phương T đã đi theo chị L, hiện nay anh không biết ở đâu, do đó giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Sau này chị L có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì anh M sẽ cấp dưỡng sau.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Do bị đơn chị Lê Thị Châu L đã được Toà án tuyên bố mất tích: Thông báo thụ lý vụ án, văn bản tố tụng và giấy triệu tập chị Loan đến Toà đã được niêm yết công khai tại nơi cư trú cuối cùng của chị L nhưng chị L không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không đến Toà theo giấy triệu tập. Mặt khác xét thấy đã có căn cứ xác định chị L đã mất tích nên việc hoà giải không thể tiến hành được.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Trần Xuân M, đây là vụ án dân sự về "Ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn đã bị tuyên bố mất tích có nơi cư trú cuối cùng tại phường B, TP. Đ; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án do bị đơn đã bị tuyên bố mất tích không thể trực tiếp tổng đạt văn bản tố tụng, Toà án đã niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo triệu tập cho bị đơn Lê Thị Châu L tại nơi cư trú cuối cùng, nhưng chị L không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện. Toà án đã niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đến phiên tòa, đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Quyết định hoãn phiên tòa có thông báo thời gian mở lại

phiên toà đã tổng đạt hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai. Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Lê Thị Châu L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Xuân M và chị Lê Thị Châu L xây dựng gia đình nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cấp có thẩm quyền. Vì vậy, hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp; anh chị đã có thời gian chung sống với nhau lâu dài. Lẽ ra, anh chị phải biết thương yêu, chung thủy, cùng nhau chia sẻ khó khăn để xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng ngược lại, anh chị đã không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững. Chị L bỏ nhà đi làm ăn biệt tích, hai bên không thực hiện quyền và nghĩa vụ vợ chồng trong nhiều năm nay, chị L không có tin tức liên lạc với chồng con, gia đình, anh M đã yêu cầu Toà án tuyên bố chị L mất tích, Toà án đã thông báo tìm kiếm chị L trên phương tiện thông tin đại chúng trung ương nhưng chị L vẫn không có tin tức gì, Quyết định tuyên bố chị L mất tích đã có hiệu lực pháp luật, từ đó cho đến nay chị L cũng không về nhà cũng không ai có tin tức gì về chị L. Điều này chứng tỏ mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể sống chung hạnh phúc nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử cho anh M được ly hôn với chị L là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 03 con chung, trong đó 02 con Trần Ngọc H, sinh ngày: 03/11/1991, Trần Đức D, sinh ngày: 12/02/1998 đã trưởng thành nên không giải quyết việc nuôi dưỡng. Riêng cháu Trần Thị Phương T sinh ngày: 08/8/2007 đã đi theo chị L, hiện nay không biết chị L và cháu T ở đâu chị L tiếp tục được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không buộc anh M cấp dưỡng hàng tháng. Sau này chị L trở về nếu có tranh chấp, thì anh hoặc chị yêu cầu giải quyết việc nuôi con bằng vụ kiện khác.

[2.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Trần Xuân M phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Áp dụng khoản 2 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh Trần Xuân M được ly hôn chị Lê Thị Châu L.

2. Về quan hệ con chung: Anh M chị L có 03 con chung, trong đó 02 con Trần Ngọc H, sinh ngày: 03/11/1991 và Trần Đức D, sinh ngày: 12/02/1998 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng.

Riêng cháu Trần Thị Phương T sinh ngày: 08/8/2007 đã đi theo chị L, hiện nay không biết chị L và cháu T ở đâu; chị L tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu T, không buộc anh M cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Sau này chị L trở về nếu có tranh chấp, anh hoặc chị yêu cầu giải quyết việc nuôi con bằng vụ kiện khác.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu toà án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Trần Xuân M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn để sung quỹ nhà nước. Số tiền anh M phải nộp được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Đồng Hới theo biên lai số AA/2017/0005661 ngày 11 tháng 12 năm 2019.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TP Đồng Hới;
- TAND Tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THA DS TP Đồng Hới;
- Các đương sự.
- UBND xã L, QN, QB;
- Lưu án, Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Hồng Sơn